

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2020/ DS-ST

Ngày 25 - 9 - 2020

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Bà Lê Thị Kim Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXX ST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 399 /2020/QĐST- DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự,

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn Hội A, xã Hoài C, thị xã N, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Lê Quốc L, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn Hội An T, xã Hoài, thị xã N, tỉnh B .

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2020, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị A trình bày:

Ngày 07/7/2018 chị Trần Thị A cho anh Lê Quốc L mượn số tiền 140.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là ngày 7/12/2018, anh L có ký vào giấy mượn tiền. Đến thời hạn trả tiền chị A đòi nhiều lần nhưng đến nay anh L vẫn không trả tiền cho chị. Do đó, chị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Quốc L trả cho chị số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn chục triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Về phía bị đơn anh Lê Quốc L: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L theo quy định của pháp luật nhưng anh L luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự ;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lê Quốc L phải trả cho chị Trần Thị A số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn chục triệu đồng)

Anh Lê Quốc L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Hoài C, thị xã N, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Quốc L nhưng tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Quốc L.

[2] Về nội dung: Do quen biết nhau nên vào ngày 07/7/2018 chị Trần Thị A và anh Lê Quốc L có giao kết hợp đồng dân sự cụ thể chị Anh cho anh L vay số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn chục triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị A đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng cho cá nhân mượn tiền, anh L ký tại thời điểm ngày 07/7/2018 nội dung của hợp đồng hai không thỏa thuận lãi suất, thời hạn anh L trả tiền là ngày 07/12/2018. Do anh L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Quốc L trả cho chị số tiền 140.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L vẫn không có mặt tại Tòa và cũng không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả một phần hay toàn bộ số tiền vay. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét buộc anh Lê Quốc L phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị A 140.000.000đ (một trăm bốn chục triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị A không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị A được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Hoàn trả cho chị A 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A. Buộc anh Lê Quốc L trả cho chị Trần Thị A số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn chục triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quốc L phải chịu 7.000.000đ (bảy triệu đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho chị A 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai số 0009758 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (nay là thị xã N).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích

